

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2018

V/v “*Không công nhận vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân;
2. Ông Nguyễn Trọng Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp “*Không công nhận vợ chồng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1968 “có mặt”
Nơi ĐKNKTT và trú tại: Trú tại: Thôn A, xã Xuân H, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 “có mặt”
Nơi ĐKNKTT và trú tại: Thôn A, xã Xuân H, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và các tài liệu, bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L trên cơ sở quen biết và tự nguyện yêu đương không ai ép buộc đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1989, nhưng ông và bà L không đăng ký kết hôn do không hiểu biết về pháp luật. Sau khi hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, ông và bà L sinh sống tại thôn A, xã Xuân H, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn lý do mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp và trầm trọng nhất là vào khoảng

tháng 5/2017. Do không thể chung sống cùng nhau được nữa nên ông và bà L đã ly thân và cắt đứt quan hệ sinh lý từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay ông khẳng định ông không còn tình cảm gì với bà L và không thể sống chung cùng bà L nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được không công nhận vợ chồng với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà L có hai con chung là: Phan Thanh Q, sinh ngày 06/4/1990 và Phan Thị Huyền T, sinh ngày 03/01/1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận bà và ông Phan Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, bước đầu cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng quá trình chung sống được một thời gian thì ông T có tính bồng bột, tôi đã nhiều lần nhường nhịn để gia đình hạnh phúc nhưng gia đình vẫn luôn xảy ra mâu thuẫn, cho nên tình cảm của tôi với ông T cũng không còn nữa, bà và ông T đã sống ly thân và cắt đứt quan hệ sinh lý từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà cũng xác định tình cảm giữa bà và ông T không còn nữa nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với bà, bà cũng đồng ý.

Về con chung như ông T trình bày là đúng bà không có ý kiến gì bổ sung thêm, các con đã trưởng thành tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ và Điều 8, Điều 9 khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Các con đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên miễn xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xem xét.

+ Về án phí: Ông Phan Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xử không công nhận vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại: Thôn A, xã Xuân H, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp “Không công nhận vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị L đều thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 tới nay không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc kết hôn mà không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý. Như vậy quan hệ giữa ông T và bà L không phải là quan hệ vợ chồng. Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP TAND Tối Cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ tư pháp quy định: Trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình; điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.

Như vậy với yêu cầu xin ly hôn với bà của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

[3]. Về con chung: Con chung đã trưởng thành ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu HĐXX nên cũng miễn xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn ông Phan Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và Điều 8, Điều 9 khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Ông Phan Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000646, ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Ông Phan Thanh T đã nộp đủ.

Vụ án được xét xử công khai ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THA huyện Nghi Xuân;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Hồng;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ, ĐÓNG DẤU)**

Đặng Thị Hương